

Phụ lục
DANH SÁCH QUY ĐỊNH CÓ HIỆU LỰC VỀ CÁC BIỆN PHÁP AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ KIỂM DỊCH ĐỘNG THỰC VẬT
(SPS) CỦA THÀNH VIÊN TỔ CHỨC THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI (WTO) TỪ NGÀY 16 - 30/6/2026
(Kèm theo công văn số: 3769 /SNNMT-CLCB ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
1	G/SPS/N/TPKM/652/Add.1	BCT, ATTP, TBT	Đài Loan (Trung Quốc)	25/6/2026	Đài Loan (Trung Quốc) thông báo ban hành quy định về điều kiện sử dụng và yêu cầu ghi nhãn đối với hỗn hợp 2'-fucosyllactose/difucosyllactose được sản xuất bằng chủng <i>Escherichia coli</i> biến đổi gen K-12 DH1 MDO MAP1001d làm thành phần thực phẩm.	Đài Loan (Trung Quốc) thông báo ban hành quy định về điều kiện sử dụng và yêu cầu ghi nhãn đối với hỗn hợp 2'-fucosyllactose/difucosyllactose được sản xuất bằng chủng <i>Escherichia coli</i> biến đổi gen K-12 DH1 MDO MAP1001d làm thành phần thực phẩm (Quy định này đã được thông báo trước đó tại mã G/SPS/N/TPKM/652 ngày 16/12/2025). Theo quy định, hỗn hợp 2'-fucosyllactose/difucosyllactose (2'-FL/DFL) được sản xuất bằng quá trình lên men sử dụng chủng <i>Escherichia coli</i> biến đổi gen K-12 DH1 MDO MAP1001d. Hỗn hợp này được tinh sạch từ dịch lên men qua các công đoạn như siêu lọc, lọc diafiltration, cô đặc, loại ion, khử màu và sấy khô. Hỗn hợp 2'-FL/DFL thành phẩm không được chứa vi sinh vật biến đổi gen và gen chuyển của vi sinh vật đó. Hỗn hợp 2'-FL/DFL sản xuất bằng chủng <i>E. coli</i> K-12 DH1 MDO MAP1001d chỉ được sử dụng làm thành phần thực phẩm nếu đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật quy định tại phụ lục. Về phạm vi sử dụng, hỗn hợp này chỉ được dùng trong sữa công thức cho trẻ sơ sinh và sữa công thức tiếp theo; sữa bột hoặc sản phẩm tương tự dành cho trẻ em dưới 7 tuổi. Mức sử dụng tối đa trong thành phẩm sẵn sàng sử dụng, được bán dưới dạng dùng ngay hoặc được pha lại theo hướng dẫn của nhà sản xuất, là 1,6 g/L đối với sữa công

					thức cho trẻ sơ sinh và sữa công thức tiếp theo; 1,2 g/L đối với sữa bột hoặc sản phẩm tương tự dành cho trẻ em dưới 7 tuổi. Về ghi nhãn, bao bì chứa hoặc bao bì ngoài của hỗn hợp 2'-FL/DFL sản xuất bằng chủng <i>E. coli</i> K-12 DH1 MDO MAP1001d phải thể hiện một trong hai nội dung: “Hỗn hợp 2'-fucosyllactose/difucosyllactose được sản xuất bằng vi sinh vật biến đổi gen” hoặc “Hỗn hợp 2'-fucosyllactose/difucosyllactose được sản xuất bằng vi sinh vật biến đổi gen, nhưng thành phẩm không chứa vi sinh vật biến đổi gen và gen chuyển của vi sinh vật đó”. Phụ lục quy định một số chỉ tiêu kỹ thuật chính đối với hỗn hợp 2'-FL/DFL, gồm dạng bột hoặc hạt kết tụ màu trắng đến trắng ngà; tổng hàm lượng 2'-fucosyllactose, difucosyllactose, D-lactose, L-fucose và 3-fucosyllactose không thấp hơn 92,0% theo khối lượng khô; tổng hàm lượng 2'-fucosyllactose và difucosyllactose không thấp hơn 85,0% theo khối lượng khô; hàm lượng 2'-fucosyllactose không thấp hơn 75,0% theo khối lượng khô; difucosyllactose không thấp hơn 5,0% theo khối lượng khô; D-lactose không quá 10,0%; L-fucose không quá 1,0%; 2'-fucosyl-D-lactulose không quá 2,0%; tổng các carbohydrate khác không quá 6,0%. Chỉ tiêu kiểm tra vi sinh vật biến đổi gen phải cho kết quả âm tính bằng phương pháp qPCR; pH từ 4,0 đến 6,0 ở 20°C, dung dịch 5%; độ ẩm không quá 6,0%; tro sulfat không quá 0,8%; protein tồn dư không quá 0,01%. Quy định có hiệu lực kể từ ngày 24/6/2026.
2	G/SPS/N/TUR/23/Rev.1/Add.3	TTBVTV	Thổ Nhĩ Kỳ	19/6/2026	Thổ Nhĩ Kỳ thông báo bổ sung yêu cầu về việc khai báo thông tin trên Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật hoặc Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật tái xuất khẩu. Theo đó, kể từ ngày 04/8/2026, khi Quy định về Kiểm dịch thực vật chính thức có hiệu lực, các yêu cầu cụ thể nêu tại Phụ lục 4 của Quy định phải được ghi rõ ràng, đầy đủ tại mục tương ứng trên Giấy chứng nhận và tuân thủ tiêu chuẩn ISPM 12. Trường hợp Giấy chứng nhận được cấp từ thời điểm này không nêu rõ các yêu cầu cụ thể tại Phụ lục 4, giấy chứng nhận sẽ bị coi là không hợp lệ và lô hàng liên quan sẽ không được phép nhập khẩu vào Thổ Nhĩ Kỳ.

3	G/SPS/N/JPN/1394/Add.1	TTBVTV	Nhật Bản	17/6/2026	Nhật Bản thông báo bổ sung về việc đã ban hành sửa đổi Quy định thi hành Luật Bảo vệ thực vật, các thông báo liên quan, quy định chi tiết và Danh mục sinh vật gây hại không thuộc diện kiểm dịch (dự thảo sửa đổi đã được thông báo tại G/SPS/N/JPN/1394 ngày 06/3/2026, thông qua và công bố ngày 17/6/2026). Biện pháp áp dụng đối với thực vật, sản phẩm thực vật và các vật thể khác thuộc diện kiểm dịch thực vật. Nội dung sửa đổi liên quan đến các phụ lục của Quy định thi hành Luật Bảo vệ thực vật, gồm: Danh mục sinh vật gây hại kiểm dịch (Bảng 1); danh mục thực vật và vật thể khác phải áp dụng biện pháp kiểm dịch thực vật cụ thể tại nước xuất khẩu (Bảng 1-2); danh mục thực vật cấm nhập khẩu (Bảng 2); danh mục thực vật cấm nhập khẩu trừ trường hợp đáp ứng yêu cầu của Nhật Bản (Bảng 2-2); và Danh mục sinh vật gây hại không thuộc diện kiểm dịch.
					Các sửa đổi và yêu cầu mới có hiệu lực từ ngày 17/12/2026. Riêng việc loại bỏ <i>Tuta absoluta</i> (sâu đục lá cà chua) khỏi Bảng 1, loại bỏ Mục 7 khỏi Bảng 2-2 và sửa đổi Danh mục sinh vật gây hại không thuộc diện kiểm dịch có hiệu lực sớm hơn, từ ngày 18/6/2026.

4	G/SPS/N/JPN/1372/Add.1	TTBVTV, CNTY, BCT	Nhật Bản	17/6/2026	Nhật Bản thông báo bổ sung về việc đã ban hành quy định sửa đổi tiêu chuẩn về mức dư lượng tối đa đối với Trifloxystrobin trong thực phẩm Nhật Bản thông báo bổ sung về việc đã ban hành quy định sửa đổi tiêu chuẩn về mức dư lượng tối đa đối với Trifloxystrobin trong thực phẩm	Nhật Bản thông báo bổ sung về việc đã ban hành quy định sửa đổi tiêu chuẩn về mức dư lượng tối đa đối với Trifloxystrobin trong thực phẩm (dự thảo quy định này đã được thông báo tại G/SPS/N/JPN/1372 ngày 22/9/2025, thông qua và công bố ngày 16/12/2025). Theo đó, các mức MRL được điều chỉnh tăng hoặc bổ sung mới, có hiệu lực từ ngày 16/12/2025, gồm: bổ sung MRL đối với các loại đậu khô, đậu Hà Lan, đậu tằm và nhóm đậu khác ở mức 0,2 ppm; cải thảo từ 0,5 ppm lên 1 ppm; cải Brussels từ 0,1 ppm lên 0,5 ppm; nhóm rau họ Cúc khác từ 4 ppm lên 9 ppm; bổ sung MRL đối với hành tây ở mức 1 ppm; cần tây và nhóm rau họ Hoa tán khác từ 4 ppm lên 9 ppm; bổ sung MRL đối với gừng ở mức 0,03 ppm và đậu Hà Lan non nguyên quả ở mức 2 ppm; đậu tương xanh từ 0,08 ppm lên 0,5 ppm; nhóm rau khác từ 4 ppm lên 9 ppm; anh đào từ 3 ppm lên 5 ppm; bổ sung MRL đối với mâm xôi, mâm xôi đen và huckleberry ở mức 3 ppm; việt quất và nhóm quả mọng khác từ 2 ppm lên 3 ppm; bổ sung MRL đối với nhóm hạt có dầu khác ở mức 0,4 ppm; nhóm thảo mộc khác từ 4 ppm lên 15 ppm; một số mô và phụ phẩm ăn được của gia súc, lợn và động vật có vú trên cạn khác được điều chỉnh tăng lên mức 0,07-0,09 ppm; bổ sung MRL đối với mật ong (bao gồm sữa ong chúa) ở mức 0,05 ppm.
---	------------------------	-------------------------	-------------	-----------	---	--

						Các mức MRL được điều chỉnh giảm, áp dụng từ ngày 16/12/2026, gồm: ngô và nhóm ngũ cốc khác từ 0,05 ppm xuống 0,02 ppm; đậu tương khô từ 0,08 ppm xuống 0,05 ppm; lạc khô từ 0,05 ppm xuống 0,02 ppm; khoai tây, khoai môn, khoai lang, khoai từ/khoai mỡ Nhật Bản và nhóm củ họ khoai khác từ 0,04 ppm xuống 0,02 ppm; củ cải trắng phần củ, củ cải tròn phần củ, cải ngựa, nguru bâng, salsify và parsnip từ 0,1 ppm xuống 0,08 ppm; tỏi từ 0,05 ppm xuống 0,01 ppm; măng tây từ 0,07 ppm xuống 0,05 ppm; nhóm rau họ cà khác từ 2 ppm xuống 0,5 ppm; chanh, cam và chanh xanh từ 3 ppm xuống 2 ppm; táo từ 3 ppm xuống 2 ppm; đào từ 5 ppm xuống 3 ppm; nho từ 5 ppm xuống 3 ppm; chuối từ 0,5 ppm xuống 0,4 ppm; đu đủ và xoài từ 0,7 ppm xuống 0,6 ppm; hạt dẻ, hồ đào, hạnh nhân, óc chó và nhóm quả hạch khác từ 0,04 ppm xuống 0,02 ppm; hạt cà phê từ 0,05 ppm xuống 0,02 ppm. Đối với ôi và chanh leo, MRL được điều chỉnh giảm từ 0,05 ppm về mức giới hạn thống nhất. Các mức MRL không được nêu tại các nội dung điều chỉnh nêu trên được giữ nguyên. Đối với các hàng hóa không được liệt kê cụ thể trong bảng, Nhật Bản áp dụng mức giới hạn thống nhất 0,01 ppm.
5	G/SPS/N/JPN/1370/Add.1	TTBVT, CNTY	Nhật Bản	17/6/2026	Nhật Bản thông báo bổ sung về việc đã ban hành quy định sửa đổi tiêu chuẩn về mức dư lượng tối đa đối với Polyoxorim-zinc trong thực phẩm.	Nhật Bản thông báo bổ sung về việc đã ban hành quy định sửa đổi tiêu chuẩn về mức dư lượng tối đa đối với Polyoxorim-zinc trong thực phẩm (dự thảo quy định này đã được thông báo tại G/SPS/N/JPN/1370 ngày 22/9/2025, thông qua và công bố ngày 16/12/2025). Theo đó, các mức MRL được bổ sung, có hiệu lực từ ngày 16/12/2025, gồm: củ cải đường ở mức 0,01 ppm; bông cải xanh ở mức 1 ppm; họ ở mức 15 ppm; cà chua ở mức 0,3 ppm; ớt ngọt ở mức 1 ppm; cà tím ở mức 0,2 ppm; các loại dưa nguyên quả (sau khi bỏ cuống) ở mức 0,3 ppm. Đối với cải bắp, xà lách, hành hoa/hành ta bao gồm tỏi tây, măng tây, dưa chuột, táo và mật ong, các MRL được giữ nguyên. Đối với sản phẩm không được liệt kê cụ thể trong bảng, Nhật Bản không áp dụng mức giới hạn thống nhất 0,01 ppm, mà áp dụng quy định thực phẩm không được chứa kháng sinh hoặc chất kháng khuẩn tổng hợp hóa học, do chất này được xem là kháng sinh hoặc chất kháng khuẩn tổng hợp hóa học.

6	G/SPS/N/JPN/1369 /Add.1	TTBVTV	Nhật Bản	17/6/2026	Nhật Bản thông báo bổ sung về việc đã ban hành quy định sửa đổi tiêu chuẩn về mức dư lượng tối đa đối với Picarbutrazox trong thực phẩm.	Nhật Bản thông báo bổ sung về việc đã ban hành quy định sửa đổi tiêu chuẩn về mức dư lượng tối đa đối với Picarbutrazox trong thực phẩm (dự thảo quy định này đã được thông báo tại G/SPS/N/JPN/1369 ngày 22/9/2025, thông qua và công bố ngày 16/12/2025). Theo đó, các mức MRL được điều chỉnh tăng hoặc bổ sung mới, có hiệu lực từ ngày 16/12/2025, gồm: xà lách bao gồm xà lách romaine, và xà lách lá, từ 15 ppm lên 30 ppm; bổ sung MRL đối với cần tây ở mức 8 ppm;
						bổ sung mới hoặc điều chỉnh MRL ở mức 2 ppm đối với một số quả có múi như cam Natsudaikai, chanh, cam, bưởi, chanh xanh và các loại quả có múi khác; bổ sung MRL đối với nhóm trái cây khác ở mức 2 ppm. Riêng MRL đối với cà chua được điều chỉnh giảm từ 2 ppm xuống 1 ppm và áp dụng từ ngày 16/12/2026. Các mức MRL không được nêu tại các nội dung điều chỉnh nêu trên được giữ nguyên. Đối với sản phẩm không được liệt kê cụ thể trong bảng, Nhật Bản áp dụng mức giới hạn thống nhất 0,01 ppm.
7	G/SPS/N/JPN/1368/Corr.1/Add.1	TTBVTV, CNTY, BCT	Nhật Bản	17/6/2026	Nhật Bản thông báo bổ sung về việc đã ban hành quy định sửa đổi tiêu chuẩn về mức dư lượng tối đa đối với Mandipropamid trong thực phẩm.	Nhật Bản thông báo bổ sung về việc đã ban hành quy định sửa đổi tiêu chuẩn về mức dư lượng tối đa đối với Mandipropamid trong thực phẩm (dự thảo quy định này đã được thông báo tại G/SPS/N/JPN/1368 ngày 22/9/2025 và đính chính tại G/SPS/N/JPN/1368/Corr.1 ngày 14/11/2025; được thông qua và công bố ngày 16/12/2025). Theo đó, các mức MRL được điều chỉnh tăng hoặc bổ sung mới, có hiệu lực từ ngày 16/12/2025 , gồm: khoai môn, khoai lang, khoai từ/khoai mỡ Nhật Bản và nhóm củ họ khoai khác từ 0,01 ppm lên 0,09 ppm; súp lơ từ 3 ppm lên 5 ppm; mùi tây từ 20 ppm lên 25 ppm; bổ sung MRL đối với mitsuba ở mức 25 ppm; dưa chuột và bí ngô/các loại bí khác từ 0,3 ppm lên 0,6 ppm; dưa hấu từ 0,2 ppm lên 0,6 ppm; các loại dưa và dưa lê vàng Makuwauri từ 0,5 ppm lên 0,6 ppm; gừng từ 0,01 ppm lên 0,09 ppm; bổ sung MRL đối với đu đủ ở mức 0,8 ppm; nhóm thảo mộc khác từ 25 ppm lên 30 ppm; mỡ bò, lợn và động vật có vú trên cạn khác từ 0,01 ppm lên 0,02 ppm; bổ sung MRL đối với ớt quả khô ở mức 7 ppm

						Các mức MRL được điều chỉnh giảm, áp dụng từ ngày 16/12/2026, gồm: hành tây từ 0,1 ppm xuống 0,05 ppm; nhóm rau họ hành khác từ 7 ppm xuống 0,05 ppm; nhóm rau họ cà khác từ 25 ppm xuống 0,7 ppm; dưa muối chua kiểu phương Đông từ 0,5 ppm xuống 0,4 ppm; quýt Unshu từ 3 ppm xuống 2 ppm; chanh từ 3 ppm xuống 1 ppm; cam, bao gồm cam navel, từ 3 ppm xuống 2 ppm; chanh xanh từ 3 ppm xuống 1 ppm. Các mức MRL không được nêu tại các nội dung điều chỉnh nêu trên được giữ nguyên. Đối với sản phẩm không được liệt kê cụ thể trong bảng, Nhật Bản áp dụng mức giới hạn thống nhất 0,01 ppm.
8	G/SPS/N/JPN/1366/Add.1	TTBVTV, CNTY	Nhật Bản	17/6/2026	Nhật Bản thông báo bổ sung về việc đã ban hành quy định sửa đổi tiêu chuẩn về mức dư lượng tối đa đối với Ethaboxam trong thực phẩm.	Nhật Bản thông báo bổ sung về việc đã ban hành quy định sửa đổi tiêu chuẩn về mức dư lượng tối đa đối với Ethaboxam trong thực phẩm (dự thảo quy định này đã được thông báo tại G/SPS/N/JPN/1366 ngày 22/9/2025, thông qua và công bố ngày 16/12/2025). Theo đó, các mức MRL được điều chỉnh tăng hoặc bổ sung mới, có hiệu lực từ ngày 16/12/2025, gồm: xà lách từ 25 ppm lên 50 ppm; cà chua từ 1 ppm lên 3 ppm; bổ sung MRL đối với mật ong (bao gồm sữa ong chúa) ở mức 0,05 ppm. Riêng MRL đối với nho được điều chỉnh giảm từ 8 ppm xuống 7 ppm và áp dụng từ ngày 16/12/2026. Các mức MRL không được nêu tại các nội dung điều chỉnh nêu trên được giữ nguyên. Đối với sản phẩm không được liệt kê cụ thể trong bảng, Nhật Bản áp dụng mức giới hạn thống nhất 0,01 ppm.

9	G/SPS/N/JPN/1365/Add.1	TTBVTV, CCPT	Nhật Bản	17/6/2026	Nhật Bản thông báo bổ sung về việc đã ban hành quy định sửa đổi tiêu chuẩn về mức dư lượng tối đa đối với Esprocarb trong thực phẩm.	Nhật Bản thông báo bổ sung về việc đã ban hành quy định sửa đổi tiêu chuẩn về mức dư lượng tối đa đối với Esprocarb trong thực phẩm (dự thảo quy định này đã được thông báo tại G/SPS/N/JPN/1365 ngày 22/9/2025, thông qua và công bố ngày 16/12/2025). Theo đó, các mức MRL được điều chỉnh giảm, áp dụng từ ngày 16/12/2026, gồm: gạo lứt từ 0,02 ppm xuống 0,01 ppm; lúa mì từ 0,05 ppm xuống 0,01 ppm; lúa mạch từ 0,05 ppm xuống 0,01 ppm. MRL đối với động vật thủy sinh được giữ nguyên ở mức 0,2 ppm. Đối với sản phẩm không được liệt kê cụ thể trong bảng, Nhật Bản áp dụng mức giới hạn thống nhất 0,01 ppm. Các MRL này đã được Nhật Bản đánh giá lại theo Luật Quản lý hóa chất nông nghiệp.
10	G/SPS/N/GBR/131	TTBVTV, CNTY	Vương quốc Anh	17/6/2026	Vương quốc Anh ban hành quy định sửa đổi Danh mục MRL theo quy định mới đối với hoạt chất flupyradifurone và chất chuyển hóa difluoroacetic acid (tính theo DFA).	Vương quốc Anh ban hành quy định sửa đổi Danh mục MRL theo quy định mới đối với hoạt chất flupyradifurone và chất chuyển hóa difluoroacetic acid (tính theo DFA). Theo đó, các mức MRL được điều chỉnh theo hướng tăng, không ghi nhận nội dung giảm MRL. Cụ thể, dâu tây được tăng MRL từ 0,4 lên 1,5 mg/kg đối với flupyradifurone và từ 0,03 lên 2 mg/kg đối với DFA. Với khoai tây và các loại củ nhiệt đới, MRL của flupyradifurone tăng từ mức giới hạn định lượng 0,01 mg/kg lên 0,05 mg/kg; MRL của DFA tăng từ 0,09 lên 0,5 mg/kg. Riêng đậu tương, MRL của flupyradifurone tăng từ mức giới hạn định lượng 0,01 mg/kg lên 1,5 mg/kg; MRL của DFA tăng từ 0,05 lên 0,6 mg/kg.

					Đối với nhóm rau họ cải, một số rau ăn lá, rau chân vịt và các loại thảo mộc/hoa ăn được, các mức MRL được điều chỉnh tăng tùy từng mặt hàng. Trong đó, MRL của flupyradifurone được tăng lên các mức từ 0,09 đến 6 mg/kg; MRL của DFA được tăng lên các mức từ 0,3 đến 0,5 mg/kg. Một số mặt hàng trong nhóm rau ăn lá như cải ô rô lá rộng/escarole, lá nho, cải xoong và cải Witloof/rau diếp xoăn Bỉ không thuộc nội dung điều chỉnh tăng và được giữ nguyên mức MRL hiện hành. Ngoài ra, MRL của flupyradifurone đối với một số sản phẩm từ lợn được điều chỉnh tăng nhẹ, gồm thân thịt lợn từ mức giới hạn định lượng 0,01 mg/kg lên 0,015 mg/kg; gan lợn từ 0,04 lên 0,06 mg/kg; thận lợn và phụ phẩm ăn được khác của lợn từ 0,05 lên 0,08 mg/kg. Các mức MRL khác không thuộc nội dung điều chỉnh nêu trên được giữ nguyên. Về quy định kỹ thuật, bảng kèm theo tiếp tục duy trì một số ghi chú hiện hành, gồm yêu cầu bổ sung dữ liệu đối với mức MRL tạm thời của mật ong, với thời hạn cung cấp dữ liệu đến ngày 06/3/2030; ghi chú về dữ liệu cây trồng luân canh; điều khoản chuyển tiếp đối với lá củ cải đã áp dụng từ năm 2025; hướng dẫn xác định MRL đối với gừng và cải ngựa trong nhóm gia vị sau quá trình sấy khô; và các mức CXL đã được Great Britain chấp nhận trong giai đoạn 2022–2026. Quy định chính thức có hiệu lực từ ngày 01/4/2026.
11	G/SPS/N/GBR/130	TTBVT	Vương quốc Anh	17/6/2026	Vương quốc Anh ban hành Danh mục MRL đối với hoạt chất imazalil. Quy định điều chỉnh tăng MRL đối với mặt hàng chuối, từ mức giới hạn định lượng 0,01 mg/kg lên 3 mg/kg. Các mức MRL khác không thuộc nội dung điều chỉnh nêu trên được giữ nguyên. Bảng danh mục kèm theo tiếp tục duy trì và cập nhật một số ghi chú kỹ thuật quan trọng. Đáng chú ý, định nghĩa dư lượng đối với imazalil được xác định là tổng của imazalil và chất chuyển hóa FK-772 (biểu thị dưới dạng imazalil); đây là hoạt chất thuộc nhóm tan trong béo. Đồng thời, quy định cũng làm rõ mức MRL này tuân theo tiêu chuẩn quốc tế Codex (CXL) được Vương quốc Anh thông qua vào năm 2026, bên cạnh việc tiếp tục duy trì điều khoản chuyển tiếp đối với lá củ cải đã áp dụng từ năm 2025. Quy định được thông qua, công bố và có hiệu lực từ ngày 15/5/2026.

12	G/SPS/N/GBR/129	TTBVTV	Vương quốc Anh	17/6/2026	Vương quốc Anh ban hành quy định sửa đổi Danh mục MRL theo quy định mới đối với hoạt chất mefentrifluconazole.	Vương quốc Anh ban hành quy định sửa đổi Danh mục MRL đối với hoạt chất mefentrifluconazole. Theo đó, điều chỉnh tăng MRL đối với mefentrifluconazole để phù hợp với các mục đích sử dụng mới của sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật tại thị trường này. Cụ thể, MRL đối với dâu tây được tăng từ mức giới hạn định lượng 0,01 mg/kg lên 0,8 mg/kg; cà chua và cà tím từ mức giới hạn định lượng 0,01 mg/kg lên 0,4 mg/kg; dưa chuột, dưa chuột bao tử và bí ngòi từ mức giới hạn định lượng 0,01 mg/kg lên 0,2 mg/kg. Các mức MRL không được nêu tại các nội dung điều chỉnh nêu trên được giữ nguyên.
						Bảng danh mục kèm theo tiếp tục duy trì một số ghi chú kỹ thuật hiện hành đối với hoạt chất mefentrifluconazole. Ngoài ra, quy định tiếp tục duy trì điều khoản chuyển tiếp đối với lá củ cải (từ năm 2025) và hướng dẫn tính toán biên độ thay đổi hàm lượng do quá trình sấy khô (chế biến) đối với gừng và cải ngựa. Quy định được thông qua, công bố và có hiệu lực từ ngày 15/5/2026.
13	G/SPS/N/THA/216/Add.6	TTBVTV	Thái Lan	16/6/2026	Thái Lan ban hành quy định về hồ sơ chứng minh chất lượng và an toàn đối với nhân lạc nhập khẩu.	Thái Lan ban hành quy định về hồ sơ chứng minh chất lượng và an toàn đối với nhân lạc nhập khẩu. Quy định được ban hành trên cơ sở Tiêu chuẩn nông nghiệp Thái Lan về mức aflatoxin tối đa trong nhân lạc, bắt buộc áp dụng theo TAS 4702-2014. Theo đó, nhà nhập khẩu phải nộp đầy đủ hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền trước khi nhập khẩu từng lô hàng để chứng minh sản phẩm đáp ứng yêu cầu về chất lượng và an toàn thực phẩm. Theo đó, hồ sơ nhập khẩu phải bao gồm: bản sao giấy chứng nhận theo Tiêu chuẩn nông nghiệp Thái Lan đối với nhân lạc về mức aflatoxin tối đa, hoặc giấy chứng nhận nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp trong trường hợp tiêu chuẩn được Thái Lan công nhận tương đương, hoặc giấy chứng nhận do tổ chức chứng nhận được ACFS phê duyệt cấp trong trường hợp tiêu chuẩn của nước xuất khẩu khác với tiêu chuẩn bắt buộc của Thái Lan; phiếu kết quả thử nghiệm hàm lượng aflatoxin tổng số trong nhân lạc, gồm B1, B2, G1 và G2, do phòng thử nghiệm được công nhận theo ISO/IEC 17025 cấp; hóa đơn thương mại; và các tài liệu khác theo yêu cầu của Cục Tiêu chuẩn hàng hóa nông nghiệp và thực phẩm quốc gia Thái Lan (ACFS).

						Đồng thời, quy định nêu rõ, trường hợp nhà nhập khẩu không tuân thủ hoặc vi phạm các yêu cầu nêu trên, ACFS có thể đình chỉ hoặc thu hồi giấy phép nhập khẩu đối với mặt hàng thuộc diện áp dụng tiêu chuẩn bắt buộc. Các hành vi khai báo gian dối, làm sai lệch thông tin, giả mạo hoặc sử dụng tài liệu giả để phục vụ hoạt động nhập khẩu có thể bị xử lý theo quy định pháp luật của Thái Lan. Quy định có hiệu lực kể từ ngày 25/5/2026.
--	--	--	--	--	--	--

- Nội dung chi tiết được đăng tải tại: www.spsvietnam.gov.vn

- Ghi chú chữ viết tắt liên quan đến các lĩnh vực/đơn vị quản lý nhà nước: ATTP: An toàn thực phẩm (Cục ATTP - Bộ Y tế); TTBVTV: Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; CCPT: Chất lượng, chế biến và Phát triển thị trường; CNTY: Chăn nuôi và Thú y; TSKN: Cục thủy sản và Kiểm ngư; BCT: Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương.